

Bản án số: 70/2017/HS-ST
Ngày 15 - 8 - 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ YÊN, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Tân Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đinh Thị Lưu

Ông Lê Ngọc Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hương - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Lương Thành Long - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 73/2017/TLST-HS ngày 24 tháng 7 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2017/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 8 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Quang V, (tên bí danh: Sâu), sinh ngày 10 tháng 8 năm 1991 tại Phú Thọ; nơi cư trú: Thôn Đồng Cạn 8, thị trấn YL, huyện YL, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; con ông: Nguyễn Hữu Chung; con bà: Bùi Thị Bình; tiền án: Ngày 27/11/2014, bị TAND tỉnh Phú Thọ phạt 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; tiền sự: không; nhân thân: Năm 2009, bị TAND huyện YL phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội Trộm cắp tài sản, năm 2011, bị TAND huyện YL, tỉnh Phú Thọ phạt 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản; bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 25 tháng 5 năm 2017 đến nay; “có mặt”.

2. Nguyễn Văn L, sinh ngày 24 tháng 7 năm 1988 tại PY – Sơn La; nơi cư trú: Khối 12, thị trấn Phù Yên, huyện PY, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; con ông: Nguyễn Văn Hát (đã chết); con bà: Đỗ Thị Đón; có vợ là Lò Thị Hằng; bị cáo có 01 con sinh năm 2016; tiền án: ngày 26/11/2013, bị TAND huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phạt 26 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy; tiền sự: không; nhân thân: Năm 2005, bị TAND huyện PY phạt cảnh cáo về tội Trộm cắp tài sản; năm 2006 bị TAND huyện PY phạt 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản; năm 2009 bị UBND tỉnh Sơn La quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc với thời gian 24 tháng; bị cáo tại ngoại; “có mặt”.

- Bị hại:

+ Anh Hà Văn Nghi, sinh 1988, nơi cư trú: Bản Chiềng Lương, xã Huy Tường, huyện PY, tỉnh Sơn La; “vắng mặt”.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Anh Đỗ Văn Sao; sinh năm 1990, nơi cư trú: Tiểu khu Văn Ban, thị trấn BY, huyện BY, tỉnh Sơn La; “vắng mặt”.

- *Người tham gia tố tụng khác:* Anh Nguyễn Văn Hưởng, cư trú tại: Tiểu khu Văn Ban, thị trấn BY, huyện BY, tỉnh Sơn La là người làm chứng; “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 9 giờ ngày 22/5/2017, trên đường Nguyễn Quang V đi chơi về qua khu vực bản Chiềng Lương, xã Huy Tường, huyện PY, tỉnh Sơn La thì phát hiện cửa nhà của một người dân không khóa. Quan sát xung quanh thấy không có người, V nảy sinh ý định vào trong nhà trộm cắp tài sản. V dựng xe mô tô của mình ở ngoài sân rồi đi vào trong nhà lấy được 01 chiếc máy vi tính xách tay và 01 chiếc điện thoại di động rồi nhanh chóng điều khiển xe mô tô rời khỏi hiện trường. Số tài sản trộm cắp được, V mang về phòng trọ của mình cất giấu. Đến khoảng 8 giờ ngày 23/5/2017, V gọi điện thoại cho Nguyễn Văn L (ở khối 12, thị trấn PY) nhờ tìm nơi tiêu thụ chiếc máy vi tính. V và L mang chiếc máy vi tính bán cho Đỗ Văn Sao (ở tiểu khu Văn Ban, thị trấn BY, huyện BY) được 2.000.000đ. V chia cho L 850.000đ.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Quang V và Nguyễn Văn L đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Nguyễn Quang V đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản và Nguyễn Văn L đủ yếu tố cấu thành tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 16/KL- ĐGTS ngày 24.5.2017 của Hội đồng định giá tài sản- UBND huyện Phù Yên kết luận (Bút lục số 86):

- Chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu ACER ASPIRE 5541 màu đen, màn hình 15,6 inch, máy cũ đã qua sử dụng Model AS5541301G25 có trị giá là: 3.200.000đ.

- Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIETTEL màu bạc, điện thoại cũ đã qua sử dụng, số IMEI 1: 35721705429571 có giá trị là: 250.000đ.

Tổng trị giá của số tài sản trên là 3.450.000đ.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

Bản Cáo trạng số: 53/KSĐT-KT ngày 24/7/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La đã truy tố Nguyễn Quang V về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự và truy tố Nguyễn Văn L về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p, q khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang V từ 30 tháng đến 36 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Văn L từ 30 tháng đến 36 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 BLHS, điểm a, b khoản 2, khoản 3 Điều 76 BLTTHS

Chấp nhận cơ quan điều tra đã trả lại máy tính xách tay nhãn hiệu ACER ASPIRE 5541 màu đen, màn hình 15,6 inch, máy cũ đã qua sử dụng Model AS5541301G25 và điện thoại di động nhãn hiệu VIETTEL màu bạc, điện thoại cũ đã qua sử dụng, số IMEL 1: 35721705429571 cho anh Hà Văn Nghị là chủ sở hữu hợp pháp.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước chiếc xe mô tô nhãn hiệu Dream, BKS 20F8-5845 của bị cáo V, là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội.

Đối với khoản tiền 2.000.000đ bị cáo bán chiếc máy vi tính cho anh Đỗ Văn Sao mà có. Anh Đỗ Văn Sao không yêu cầu các bị cáo bồi hoàn nên không xem xét.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Quang V và Nguyễn Văn L đều nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên.

Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và có ý kiến không yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm khoản tiền nào khác.

Kết thúc tranh luận, các bị cáo trình bày lời nói sau cùng, bị cáo Nguyễn Quang V và Nguyễn Văn L đều có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phù Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Nguyễn Quang V đã lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của chủ sở hữu tài sản, lén lút chiếm đoạt 01 chiếc máy tính xách tay và 01 chiếc điện thoại di động của bị hại với tổng trị giá là 3.450.000đ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự thì “ Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng, thì bị phạt cải tạo không

giám giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”. Như vậy, hành vi của bị cáo V đã cấu thành tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn L biết rõ tài sản do V trộm cắp mà có nhưng vẫn giúp V tìm người mua để bán tài sản. Theo khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự thì “Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”. Theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư số: 09/2011/TTLT-BCA-BQP-BTP-NHNNVN-VKSNDTC-TANDTC thì “Tiêu thụ tài sản là một trong các hành vi sau đây: mua, bán, thuê, cho thuê, trao đổi, cầm cố, thế chấp, đặt cọc, ký gửi, cho, tặng, nhận tài sản hoặc giúp cho việc thực hiện các hành vi đó”. Như vậy, hành vi của L đã cấu thành tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; nhân thân người phạm tội và về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là ít nghiêm trọng, gây nguy hại cho xã hội không lớn. Tuy nhiên, đã xâm phạm trực tiếp đến chế độ sở hữu tài sản của cá nhân, ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo nhận thức được việc xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác là trái pháp luật. Tuy nhiên, do háms lợi trước mắt, bị cáo đã bất chấp quy định của pháp luật, cố ý phạm tội. Các bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị kết án về hành vi trộm cắp tài sản. Bản thân là người nghiện ma túy, không có nghề nghiệp, sống phụ thuộc vào gia đình.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo, do đó cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự đối với hai bị cáo. Ngoài ra, bị cáo V đã tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó, cần áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 đối với bị cáo. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo Nguyễn Quang V và Nguyễn Văn L đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Do đó, cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự đối với hai bị cáo.

Từ việc phân tích, đánh giá những căn cứ quyết định hình phạt ở trên, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo, với mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành người công dân tốt, có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật Hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng”; tại khoản 5 Điều 250 Bộ luật Hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ ba triệu đồng đến ba mươi triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản hoặc một trong hai hình phạt này”. Do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và

lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo đều là người lao động tự do, thu nhập không ổn định, đang ở cùng với gia đình, điều kiện kinh tế còn khó khăn (Bút lục số 115, 131a). Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với hai bị cáo.

[4] Về vật chứng, cơ quan điều tra đã trả lại anh Hà Văn Nghị là chủ sở hữu hợp pháp 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ACER ASPIRE 5541 màu đen, màn hình 15,6 inch, máy cũ đã qua sử dụng Model AS5541301G25 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIETTEL màu bạc, điện thoại cũ đã qua sử dụng, số IMEI 1: 35721705429571 (theo Biên bản trả lại tài sản ngày 08 tháng 6 năm 2017 của cơ quan điều tra, bút lục số 99). Căn cứ điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự, quyết định trả lại tài sản trên là có căn cứ, đúng pháp luật, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Dream, BKS 20F8-5845, cơ quan Công an thu giữ của bị cáo V, là công cụ, phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 41 của Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với khoản tiền 2.000.000đ do các bị cáo bán tài sản trộm cắp mà có, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu các bị cáo phải bồi hoàn. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 41 của Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Những tài sản bị chiếm đoạt anh Nghị đã nhận lại. Tại đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa, bị hại không yêu cầu bồi thường gì khác. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu các bị cáo phải bồi hoàn khoản tiền mua máy vi tính nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Do đến ngày xét xử, thời hạn tạm giam đối với bị cáo Nguyễn Quang V đã hết nên Hội đồng xét xử cần tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo việc thi hành án.

[6] Về án phí, bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13; điểm b khoản 1 Điều 2, điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 và điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14.

[1] Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Quang V phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt Nguyễn Quang V 26 (hai mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 25/5/2017).

Căn cứ khoản 1 Điều 250, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Xử phạt Nguyễn Văn L 18 (mười tám) tháng tù, Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày người bị kết án vào trại giam chấp hành án.

[2] Về vật chứng của vụ án: *Căn cứ vào điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.* Chấp nhận cơ quan điều tra lại 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ACER ASPIRE 5541 màu đen, màn hình 15,6 inch, máy cũ đã qua sử dụng Model AS5541301G25 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIETTEL màu bạc, điện thoại cũ đã qua sử dụng, số IMEL 1: 35721705429571 cho anh Hà Văn Nghị, nơi cư trú: Bản Chiềng Lương, xã Huy Tường, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự. Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 1.150.000đ (một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) của bị cáo Nguyễn Quang V và số tiền 850.000đ (tám trăm năm mươi nghìn đồng) của bị cáo Nguyễn Văn L do mua bán tài sản phạm tội mà có.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu sung quỹ Nhà nước chiếc xe mô tô nhãn hiệu Dream, BKS 20F8-5845 của bị cáo Nguyễn Quang V.

[3] Về án phí: *Căn cứ vào khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.*

Bị cáo Nguyễn Quang V và Nguyễn Văn L mỗi người phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại (nếu có);
- VKSND huyện Phù Yên;
- Người bào chữa (nếu có);
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Cơ quan điều tra- CA huyện ;
- CQ Thi hành án hình sự;
- Trại TG (nhà tạm giam);
- Sở tư pháp tỉnh;
- Người có QL, NVLQ (nếu có);
- Chi cục THADS huyện (án có hiệu lực);
- Lưu: HS.

} Giao

} Gửi

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Tân Việt

